TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS – ST
Ngày: 26 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Phúc;

2. Ông Phạm Tấn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần STiền có ngay; địa chỉ: 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Khánh Duy, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp 1, xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp); là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 10-3-2025); vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Hữu T, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 4, ấp Bà Tứ, xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Trừ Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần STiền có ngay là bà Đinh Khánh Duy trình bày:

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, ông Võ Hữu T có cầm cố tài sản với Công ty cổ phần STiền có ngay (sau đây viết tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe.

Tài sản cầm cố như sau 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển số 61K1-244.12, số khung RLCUG1210MY030465, số máy G3M55038316, Giấy chứng nhận đăng ký số 001284 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Hợp đồng cầm cố như sau: số tiền cầm cố 16.117.021 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân 14 tháng 3 năm 2024. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: lãi suất cầm có bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng, lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí mượn xe 3% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán, chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Hợp đồng giấy mượn xe như sau: Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 14 tháng 3 năm 2024 ông Tâm có đơn gửi Công ty xin mượn tại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe tài sản mượn lại là 01 (một) xe mô tô như trình bày trên. Thời gian mượn xe 01 (một) tháng từ ngày 14 tháng 3 năm 2014 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024. Công ty đã đồng cho ông Tâm mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và ông Tâm cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan ông Tâm có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe.

Khi ký kết hợp đồng cầm có tài sản thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dụng của phụ lục hợp đồng bên cầm cố tài sản đồng ý cho Công ty có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tại sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho ông Tâm khi hợp đồng chấm dứt.

Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 314 bộ luật dân sự 2015 quy định Biên nhân cầm có Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hướng hoa lại, lại tức từ tài sản cầm cổ, nếu có thỏa thuận.

Nên việc cầm cố tài sản và cho mượn lại tài sản, Công ty thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Biện pháp bảo đảm. Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản số BZM240001003NA21X ký ngày 14 tháng 3 năm 2024 ông Tâm đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe được nêu trên. Tài sản nêu trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký Quốc gia số đăng ký giao dịch số 1554134509.

Quá trình trả nợ, ông Võ Hữu T có thanh toán cho Công ty được 7.570.000 đồng. Sau đó, ông Tâm không thực hiện mà vi phạm hợp đồng. Do đó, Công ty khởi kiện buộc ông Võ Hữu T thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 là 20.798.956 đồng.

Ngoài ra ông Võ Hữu T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tâm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã thể hiện trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện ủy quyền nguyên đơn vắng mặt có gửi sao kê đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 số tiền yêu cầu là 20.798.956 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Công ty cổ phần STiền có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Hữu T thanh toán nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí theo hợp đồng cầm tài sản. tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản". Bị đơn ông Võ Hữu T có nơi cư trú tại tổ 4, ấp Bà Tứ, xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là xã Trừ Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu: Hợp đồng cầm cố được lập thành văn bản giữa Công ty và ông Võ Hữu T là sự tự nguyện thỏa thuận phù hợp quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Nguyên đơn yêu cầu ông Võ Hữu T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 là 20.798.956 đồng (hai mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc: 11.081.954 (mười một triệu không trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, lãi trong hạn: 558.713 (năm trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn: 2.468.505 (hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm lẻ năm) đồng, phí mượn xe: 6.446.808 (sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm lẻ tám) đồng, phí quản lý hồ sơ: 242.976 (hai trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng và lãi phát sinh từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã giao đủ số tiền cho ông Võ Hữu T nhưng ông Tâm không thực hiện đúng cam kết. Như vậy, ông Tâm đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe và Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định số: 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Tâm thanh toán cho Công ty tiền lãi suất theo hợp đồng các bên ký kết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 74, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số: 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần STiền có ngay về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản" với ông Võ Hữu T.

Buộc ông Võ Hữu T có trách nhiệm thanh toán cho của Công ty cổ phần STiền có ngay tiền toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 là 20.798.956 đồng (hai mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn chín trăm năm mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc: 11.081.954 (mười một triệu không trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, lãi trong hạn: 558.713 (năm trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn: 2.468.505 (hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm lẻ năm) đồng, phí mượn xe: 6.446.808 (sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm lẻ tám) đồng, phí quản lý hồ sơ: 242.976 (hai trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi sáu) đồng.

Trường hợp ông Võ Hữu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty cổ phần STiền có ngay được yêu cầu Cơ quan Thi hành án

có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần STiền có ngay.

Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2025, ông Võ Hữu T còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hữu T phải chịu án phí là 1.039.947 (một triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần STiền có ngay số tiền 526.813 (năm trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm mười ba) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 6307 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19-TP Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa